

Số:10/2009/BC-TPB.BKS

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Kính thưa Quý Đại biểu.

Kính thưa Quý vị Cổ đông Tienphongbank.

Căn cứ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán hiện hành; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2008 vừa qua với các nội dung chính như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Sau tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính và các phần hành liên quan, Ban kiểm soát xin xác nhận rằng :

“Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán (BS); Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (P&L) do Ban điều hành lập, xét trên khía cạnh trọng yếu đã phản ánh chính xác, trung thực tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam”.

Các báo cáo này đã được kiểm toán bởi công ty TNHH KPMG

Sau đây là những số liệu trong báo cáo kiểm toán:

Bảng cân đối kế toán

	Ghi chú	31/12/2008 Đồng
A TÀI SẢN		
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1	19,702,761,290
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2	25,823,027,884
III Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	3	1,344,409,218,363
IV Chứng khoán kinh doanh	4	0

1	Chứng khoán kinh doanh		0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		0
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	5	0
VI	Cho vay khách hàng	6	275,340,559,953
1	Cho vay khách hàng	6.1	275,492,868,900
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	6.2	(152,308,947)
VII	Chứng khoán đầu tư	8	583,613,870,667
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.1	583,613,870,667
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		0
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (*)		0
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	9	0
IX	Tài sản cố định		58,512,950,453
1	Tài sản cố định hữu hình	10	41,535,910,748
2	Tài sản cố định thuê tài chính	11	0
3	Tài sản cố định vô hình	12	16,977,039,705
X	Bất động sản đầu tư	13	0
XI	Tài sản có khác	14	111,240,013,329
1	Các khoản phải thu	14.2	22,145,030,178
2	Các khoản lãi, phí phải thu	14.1	56,908,996,995
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	22.1	0
4	Tài sản Có khác	14	32,185,986,156
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.3	
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		2,418,642,401,939
		Ghi chú	31/12/2008 Đồng
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	16	0
II	Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	17	196,258,422,353
1	Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	196,258,422,353
2	Vay các TCTD khác	17.2	0
III	Tiền gửi của khách hàng	18	1,171,843,665,515

IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	5	0
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	0
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	0
VII	Các khoản nợ khác	22	29,812,417,204
1	Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	20,228,804,811
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	22.2	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21	9,383,595,393
4	Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		200,017,000
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		<u>1,397,914,505,072</u>
VIII	VỐN VÀ CÁC QUỸ	23	
1	Vốn của Tổ chức tín dụng	23.1	1,000,000,000,000
2	Quỹ của Tổ chức tín dụng	23.2	8,576,658,255
5	Lợi nhuận chưa phân phối	23.3	12,151,238,612
	TỔNG VỐN VÀ CÁC QUỸ		<u>1,020,727,896,867</u>
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>2,418,642,401,939</u>
C	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
	Bảo lãnh tài chính		<u>191,760,139,000</u>

Báo cáo kết quả kinh doanh

		Ghi chú	Đồng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	198,427,177,760
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(73,075,069,447)
I	Thu nhập lãi thuần		<u>125,352,108,313</u>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	1,886,627,881
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	28	(5,376,130,756)
II	Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ		<u>(3,489,502,875)</u>
III	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	<u>(1,276,107,098)</u>
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	<u>(381,175,449)</u>

V	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	0
5	Thu nhập từ hoạt động khác	33	332,148,630
6	Chi phí hoạt động khác		0
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		332,148,630
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		0
VIII	Chi phí hoạt động	34	(52,808,877,000)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		67,728,594,520
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(352,325,947)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		67,376,268,573
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	36	(16,865,213,539)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0
XII	Chi phí thuế TNDN		(16,865,213,539)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		50,511,055,034

Tình hình sử dụng lợi nhuận sau thuế:

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN :	50,511,055,034 đồng
Trong đó:	
Trích 5% vào quỹ bổ xung vốn điều lệ:	2,525,552,752 đồng
Trích 10% vào quỹ Dự phòng tài chính :	5,051,105,503 đồng
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	1,000,000,000 đồng
Tạm chia cổ tức (1)	29,783,158,167 đồng
Lợi nhuận để lại	12,151,238,612 đồng
Hoàn trả lãi trước hoạt động cho cổ đông (2)	30,216,841,833 đồng

Ghi chú:

Trong năm 2008 tổng số tiền đã trả cho cổ đông : 60,000,000,000 đồng tương đương với 6% vốn cổ phần đóng góp bao gồm khoản (1) và khoản (2)

B. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU NĂM 2008

Các mặt làm được:

+Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 67.376 tỷ đồng vượt 58% so với chỉ tiêu do HĐQT giao.

+Tính đến thời điểm 31/12/2008, tổng tài sản đạt 2,418.6 tỷ đồng tăng 142% trong đó tài sản có sinh lời đạt 2,229 tỷ đồng chiếm 92% tổng tài sản.

+Tính đến thời điểm 31/12/2008, tổng vốn huy động đạt 1,368 tỷ đồng trong đó 1,171.8 tỷ đồng từ tiền gửi khách hàng chiếm 86%.

+Trong năm 2008, Ngân hàng đã mở 02 chi nhánh và 04 phòng giao dịch trên 02 địa bàn lớn là Thành phố HCM và Hà Nội

+Triển khai thành công Hệ thống ngân hàng cốt lõi đồng thời đưa hệ thống thẻ ATM và internet banking đi vào hoạt động.

+Chính sách thương hiệu và quảng cáo rõ ràng đã dần đưa hình ảnh ngân hàng đến với khách hàng

+Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng do tổ chức BVC cấp

Các mặt chưa làm được:

+ Do ngân hàng mới hoạt động 07 tháng và đang tập trung trong giai đoạn xây dựng nền tảng nên cơ sở khách hàng còn nhiều hạn chế, cùng với những biến động bất lợi trong thị trường tài chính năm 2008, dẫn đến thu nhập từ các hoạt động tín dụng và thu nhập từ các hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn thu của ngân hàng năm cụ thể:

- Thu từ cho vay khách hàng đạt 6,9 tỷ đồng chiếm 3,5% tổng doanh thu.
- Thu từ dịch vụ (chủ yếu từ bảo lãnh) đạt 1,49 tỷ đồng chiếm 1% tổng doanh thu

+ Tỷ lệ khả năng chi trả và Tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng đều đạt mức cao (937% và 286% tại thời điểm 31/12/2008) so với số trung bình của ngành, thể hiện sự đảm bảo an toàn trong hoạt động cũng như tính thanh khoản đã được duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa với việc hiệu quả sử dụng vốn vào các hoạt động sinh lời chưa cao.

C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Các mặt làm được

+ Ngân hàng đã dần từng bước tạo được môi trường kiểm soát như hình các cơ chế phân công, phân nhiệm, ủy quyền, cơ cấu tổ chức, đã xây dựng các chính sách về nguồn nhân lực, đạo đức nghề nghiệp...

+ Các phòng ban kinh doanh và các phòng ban hỗ trợ đã hoàn thành việc xây dựng các qui trình, qui định, thủ tục làm việc nhằm giảm thiểu các rủi ro

+ Hệ thống trao đổi thông tin và hệ thống báo cáo các bước đầu đáp ứng được nhu cầu thông tin kịp thời và đầy đủ trong toàn ngân hàng.

Các mặt chưa làm được

+ Chưa xây dựng phương thức nhân diện, đánh giá rủi ro một cách có hệ thống và thống nhất trên toàn ngân hàng

+ Một số qui trình, qui định chưa hiệu quả, chặt chẽ và thiếu tính thực tiễn

D. CHẤP HÀNH CÁC QUI ĐỊNH VỀ TỶ LỆ AN TOÀN

ST	DIỄN GIẢI	31/12/2008	QUI ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH LIÊN
----	-----------	------------	----------	-----------------

T			NHNN	QUAN
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	286%	$\geq 8\%$	457/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan
2	Tỷ lệ khả năng chi trả Trong vòng 7 ngày Trên 1 tháng	Trong hạn Trong hạn	giới giới $\geq 100\%$ $\geq 25\%$	457/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan
3	Giới hạn cho vay bảo lãnh Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng Tổng dư nợ cho vay + bảo lãnh đối với một khách hàng Tổng dư nợ cho vay + bảo lãnh cho một nhóm khách hàng có liên quan	Nằm trong giới hạn Nằm trong giới hạn Nằm trong giới hạn	$\leq 15\%$ VTC $\leq 25\%$ VTC $\leq 60\%$ VTC	457/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan
4	Qui định về trạng thái ngoại tệ + <i>Tổng trạng thái Dương</i> + <i>Tổng trạng thái âm</i>	 -3.05%.	 $\leq 30\%$ VTC $\geq -30\%$ VTC	1168/2003/QĐ- NHNN
5	Tỷ lệ đầu tư TSCĐ	6%	$\leq 50\%$ VTC	457/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan
6	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay dài hạn	0%	$< 40\%$	457/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan
7	Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro			493/2005/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tuân thủ theo qui định</i>	<i>0-100%</i>	
	<i>Dự phòng chung</i>	<i>0.11%</i>	<i>theo nhóm nợ</i>	
8	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	Trong hạn	giới 3% VNĐ và 1% của ngoại tệ	581/2003/QĐ-NHNN và các quyết định bổ xung liên quan

E. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1. *Họp triển khai công việc.*

Trong năm 2008 vừa qua, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp giữa các thành viên để triển khai các công việc cụ thể sau:

- + Phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát
- + Định hướng kiểm soát cho năm 2008
- + Báo cáo tình hình hoạt động năm 2008 và Định hướng giám sát cho năm 2009
- + Tổ chức các cuộc họp định kỳ của ban kiểm soát để thông qua và triển khai các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ ; Tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT để thông báo các kết quả làm việc của ban; tham gia đóng góp các ý kiến và kiến nghị với HĐQT và TGD về chủ trương chính sách và hoạt động của ngân hàng; giám sát các hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc; lập và cập nhật danh sách người liên quan đến các thành viên HĐQT, BKS, TGD, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn.
- + Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ tháng 9/2008; Xây dựng và soạn thảo Quy chế về kiểm toán nội bộ; định hướng giám sát và chỉ đạo cho hoạt động kiểm toán nội bộ.

Trong năm 2008, mặc dù bộ phận kiểm toán nội bộ mới thành lập với nhân sự còn thiếu, nhưng cũng đã tiến hành được các cuộc kiểm toán nghiệp vụ có chất lượng ở các mảng công việc được đánh giá là rủi ro cao như : nguồn vốn; công nghệ thông tin đồng thời đưa ra các kiến nghị cho hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng. Ngoài ra còn tiến hành thâm định báo cáo tài chính năm 2008 theo qui định

(Biên bản các cuộc họp được lưu tại văn phòng ban kiểm soát tại ngân hàng)

1.2. *Ban hành các Quyết định, văn bản:*

Trong năm 2008, Ban Kiểm soát đã ban hành các quyết định, văn bản để triển khai các công việc liên quan đến hoạt động của Ban, cụ thể là các văn bản sau:

- + Các văn bản liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát như: Qui chế, qui định, quyết định, báo cáo, thông báo...
- + Các văn bản liên quan đến hoạt động của kiểm toán nội bộ như: Qui chế, qui định, quyết định, báo cáo, thông báo...

(Các văn bản được lưu tại văn phòng ban kiểm soát ngân hàng)

F. DỰ TRÙ NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG CHO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2009

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và định hướng kiểm soát của Ngân hàng, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch ngân sách hoạt động của năm 2009 dự kiến là: **1.800.000.000 đ (Một tỉ, tám trăm triệu đồng)**

G. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- + Hoàn thiện các mặt chưa được đã nêu trong báo cáo.
- + Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2008 và Phê duyệt kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2009 của Ban kiểm soát.

Kính chúc quý vị đại biểu, toàn thể cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!
Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

**NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Bùi Thành Chung